

Số/No:.....25/TN8/3793-01.....

Trang/Page:.....1/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / Sample name	Máy lọc nước RO Model SP-K10A
2. Mã số mẫu/ ID sample	25/TN8/3793-M1
3. Khách hàng / Customer	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thiên Dương
4. Số lượng mẫu / Quantity	1 máy
5. Ngày nhận mẫu / Reception date	11/12/2025
6. Tình trạng mẫu / Observation	Nguyên sản phẩm
7. Thời gian thử nghiệm / Time testing	Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 18/12/2025
8. Thời gian hoàn thành/ Completion time	18/12/2025



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH & GMO
Head of GMO & Micro. Lab

Lê Thị Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 19 / 12 / 2025
lu GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN8/3793-01

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Kết quả/ Result	
			Mẫu nước trước khi qua máy lọc M ₀ (+) (CFU/100mL)	Mẫu nước sau khi qua máy lọc M ₁ (CFU/250mL)
1.	Coliforms	TCVN 11979:2017 & ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	148	0
2.	E.coli	TCVN 11979:2017 & ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	19	0
3.	Feacal streptococci,	TCVN 11979:2017 & ISO 7899 – 2 : 2000	-	0
4.	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunfit (Clostridia)	TCVN 11979:2017 & ISO 6461 – 2 : 1986	-	0
5.	P.aeruginosa,	TCVN 11979:2017 & ISO 16266:2006	-	0

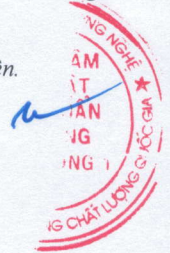
Ghi chú: Bố trí thí nghiệm:

Bước 1: Cho 15 Lit nước cất vào thùng tạo mẫu, sau đó bổ sung chủng vi khuẩn Escherichi coli ATCC 8739; E.aerogenes (ATCC 13048) được mẫu (M₀), đảm bảo mật độ VSV trong mẫu vừa tạo có tổng số vi khuẩn coliforms và E.coli đáp ứng mẫu đầu vào theo TCVN 11979:2017 (Mẫu M₀).

Bước 2: Trộn đều để đồng nhất mẫu. Sử dụng bơm hút mẫu M₀ (bước 1) qua hệ thống máy lọc, vận hành hoạt động của máy theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Mẫu thu được sau khi qua máy lọc (Mẫu M₁).

Bước 3: Lắc đều mỗi mẫu (M₀, M₁) và tiến hành lọc phân tích độc lập.

- Kết quả của mẫu trước và sau khi đưa qua máy lọc chỉ có giá trị đối với nồng độ các chất đã pha và bố trí thí nghiệm như trên.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0016

Trang/Page: 1/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Máy lọc nước RO Famy;
Model: SP-K10A;
Lưu lượng lọc: 13L/h;
Hiệu suất lọc: 35%;
Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN DƯƠNG.
Ngày nhận mẫu: 06/01/2026.
Lượng mẫu: 01 máy.
Tình trạng mẫu: Mẫu mới (hình ảnh kèm theo).
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 26/01/2026.
Ngày hoàn thành: 27/01/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0016

Trang/Page: 2/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

I. Thử lưu lượng lọc và hiệu suất lọc.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức so sánh ($\geq 95\%$ giá trị công bố)	Kết quả
1	Lưu lượng lọc (Lf)	L/h	TCVN 11979: 2017	$\geq 12,35$	13,16
2	Hiệu suất lọc (Rec)	%	TCVN 11979: 2017	$\geq 33,25$	39,79

II. Thử chất lượng nước.

II.1. Nước trước khi qua máy lọc.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định theo TCVN 11979: 2017	Kết quả
1	Mùi vị	-	TN5/HD.PT/53	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
2	pH	-	TCVN 6492: 2011	$6,0 \div 8,5$	7,39
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1: 1993	$3 \div 5$	3,4
4	Hàm lượng Amoni (NH_4^+)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F: 2023	$3,0 \div 4,0$	3,70
5	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$0,45 \div 0,55$	0,520
6	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$0,045 \div 0,055$	0,048

II.2. Nước sau khi qua máy lọc.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 6-1: 2010/BYT	Kết quả
1	Mùi vị	-	TN5/HD.PT/53	-	Không có mùi vị lạ
2	pH	-	TCVN 6492: 2011	-	7,95
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1: 1993	-	KPH (GHPH = 0,5)
4	Hàm lượng Amoni (NH_4^+)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F: 2023	-	0,843
5	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	-	KPH (GHPH = 0,010)
6	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0016

Trang/Page: 3/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 6-1: 2010/BYT	Kết quả
7	Sb	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,02	KPH (GHPH = 0,003)
8	Ba	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,7	KPH (GHPH = 0,010)
9	B	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,030)
10	Bromat	mg/L	US EPA Method 300.0: 1993	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
11	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,003	KPH (GHPH = 0,001)
12	Clo tổng	mg/L	SMEWW 4500-Cl G: 2023	≤ 5,0	KPH (GHPH = 0,05)
13	Clorat	mg/L	US EPA Method 300.0: 1993	≤ 0,7	KPH (GHPH = 0,03)
14	Clorit	mg/L	US EPA Method 300.0: 1993	≤ 0,7	KPH (GHPH = 0,03)
15	Cr	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
16	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 2	KPH (GHPH = 0,010)
17	CN ⁻	mg/L	TCVN 6181: 1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
18	F ⁻	mg/L	TCVN 6494-1: 2011	≤ 1,5	KPH (GHPH = 0,05)
19	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,4	KPH (GHPH = 0,010)
21	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,006	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Mo	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,010)
23	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,010)
24	NO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6494-1: 2011	≤ 50	2,10
25	NO ₂ ⁻	mg/L	TCVN 6494-1: 2011	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
26	Se	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,001)
27	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879: 2011	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,025)
28	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879: 2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)

Ghi chú:

- **Bố trí thí nghiệm:** Theo quy định tại mục 9 của TCVN 11978: 2017 và yêu cầu kỹ thuật tại mục 5 của TCVN 11979: 2017;
- **TCVN 11979: 2017:** Tiêu chuẩn Quốc gia - Phương pháp thử cho máy lọc nước dùng trong gia đình;
- **QCVN 6-1:2010/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục II);
- “- “: -Không quy định;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/0016

Trang/Page: 4/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.